

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 32/2018/ DS-ST

Ngày: 30/3/2018

V/v "Tranh chấp hợp đồng hui"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Minh Chiến

2- Bà Nguyễn Thị Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 30/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng hui".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H 1, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: 192 Ngô Văn S, khu vực T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 99/9 Nguyễn B, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Văn D, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 192 Ngô Văn S, khu vực T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Ông Nguyễn Công H 3, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 99/9 Nguyễn B, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Ông Phan Văn D và ông Nguyễn Công H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2017, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị H1 trình bày: Giữa bà và bà Huỳnh Thị 2

có quan hệ chơi hụi, bà H2 là người cầm cái còn bà là hụi viên, hiện còn 02 dây hụi chưa tất toán xong và số tiền hụi còn nợ cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Bà H2 tổ chức góp hụi vào ngày 06/10/2015 (AL) dây hụi 27 chân, loại hụi mỗi chân 2.000.000đ(hai triệu đồng), bà tham gia chơi 02 chân, đã nộp được 18 tháng, hàng tháng tùy theo tháng do người đầu hụi mà mức nộp khác nhau, số tiền đã nộp không nhớ cụ thể nhưng tính theo hình thức chơi hụi thì dây hụi này chủ hụi phải thanh toán cho bà là $(18 \text{ tháng} \times 2.000.000\text{đ}) \times 02 \text{ chân hụi} = 72.000.000\text{đ}$ (Bảy mươi hai triệu đồng). Hàng tháng đầu hụi thì bà H2 được hưởng tiền hoa hồng tùy theo số tiền và chủ đầu hụi mà mức hưởng khác nhau.

Dây hụi thứ hai: Bà H2 tổ chức góp hụi vào ngày 10/11/2015(AL) dây hụi 24 chân, loại hụi mỗi chân 2.000.000đ(Hai triệu đồng), bà tham gia chơi 03 chân, bà đã hốt 02 chân hụi, bà không nhớ cụ thể thời điểm hốt, số tiền hốt hụi bao nhiêu nhưng bà đóng tiền hụi chết còn nợ của chủ hụi là 20.000.000.đ (Hai mươi triệu đồng), còn 01 chân hụi sống bà đã nộp được 19 tháng số tiền thực nộp không nhớ nhưng theo thể lệ chơi chủ hụi phải thanh toán cho bà là $(19 \text{ tháng} \times 2.000.000\text{đ}) = 38.000.000\text{đ}$ (Ba mươi tám triệu đồng). Qua cân trừ thì dây hụi này bà H2 còn nợ bà là 18.000.000đồng(Mười tám triệu đồng).

Đến tháng 6/2017 bà H2 ngừng giao dịch không thanh toán tiền hụi nữa. Việc chơi hụi trên ông Nguyễn Công H 3 (chồng bà H2) cũng biết và có vài lần ông trực tiếp nhận tiền đóng hụi chết do bà nộp, về giấy tờ các bên tự theo dõi sổ sách. Bà nhiều lần đến đòi nợ nhưng bà H2 cứ hẹn dần và bà H2 cũng xác định tổng tiền nợ hụi là 90.000.000.đ (Chín mươi triệu đồng). Nay bà yêu cầu cả vợ chồng bà H2 - ông H3 thanh toán tiền nợ hụi trên, yêu cầu trả dứt điểm một lần vào thời gian gần đây nhất, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2018, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị H2 trình bày: Bà thống nhất như lời của bà Trịnh Thị H1 về thời điểm chơi hụi, dây hụi, số chân, số tiền mỗi chân hụi, số lần góp hụi, số tiền nộp hụi, về việc nhận tiền hoa hồng và cả hình thức chơi hụi chỉ giao kết bằng lời nói, các bên tự theo dõi sổ sách, vì tin tưởng nhau nên khi giao nhận tiền không có ký nhận. Nay bà xác định còn nợ tiền hụi của vợ chồng bà H1 tổng cộng là 90.000.000.đ(Chín mươi triệu đồng). Chồng bà là ông Nguyễn Công H3 làm nghề lái xe, việc chơi hụi trên chồng cũng biết và cũng có vài lần nhận tiền của các hụi viên. Việc bà bị vỡ hụi mất khả năng thanh toán do những người hốt hụi không đóng hụi chết bị thâm hụt dần, phần các con đang độ tuổi đi học nên chi phí sinh hoạt gia đình gặp khó khăn về kinh tế. Nay bà chấp nhận yêu cầu của bà H1 , vợ chồng bà có nghĩa vụ cùng trả nợ số tiền hụi là 90.000.000đ cho vợ chồng bà H1 - ông D , bà xin trả dần mỗi tháng 500.000đ từ nay cho đến khi hết nợ, xin khoản tiền lãi chậm trả.

Tại bản tự khai ngày 23/01/2018 ,các văn bản tố tụng khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D trình bày: Ông và bà Trịnh Thị

H1 có quan hệ là vợ chồng, việc vợ có quan hệ chơi hụi với bà H2 ông biết, nhưng không biết cụ thể các kỳ góp hụi, thời điểm bà H2 vỡ hụi, vợ có nói cho ông biết tiền hụi bà H2 còn nợ là 90.000.000đ(chín mươi triệu đồng). Nay ông yêu cầu vợ chồng bà H2- ông H3 thanh toán tiền nợ hụi trên vào thời gian sớm nhất, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công H3 trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị H2 quan hệ là vợ chồng, việc vợ cầm cái chơi hụi ông cũng biết, ông làm nghề lái xe, những lúc về nhà cũng có vài lần ông thu tiền hụi giúp vợ, nhưng thu xong về giao tiền hụi trên lại cho vợ, việc giao dịch chơi hụi cụ thể là ông không biết, ông đi làm có thu nhập về đưa tiền cho vợ nuôi con. Nay bà Trịnh Thị H1 yêu cầu ông cùng vợ (Huỳnh Thị H2) trả tiền nợ hụi 90.000.000đ(Chín chục triệu đồng) cho vợ chồng bà là ông không đồng ý, vợ tham gia chơi hụi nên phải có trách nhiệm trả nợ, đề nghị Tòa xem xét giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Còn về chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 357, 471 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, buộc vợ chồng bà H2-ông H3 trả tiền nợ hụi là 90.000.000đ(Chín mươi triệu đồng) cho vợ chồng bà Trịnh Thị H1 - ông Phan Văn D, không tính tiền lãi .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* Bà Trịnh Thị H1 yêu cầu bà Huỳnh Thị H2 thanh toán tiền nợ hụi do đó quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng hụi” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị H2 đang cư trú tại phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2] *Về áp dụng pháp luật và thời hiệu:* Theo điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 thì vụ án trên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015. Thời điểm nguyên đơn bà Trịnh Thị H 1 xác định bà Huỳnh Thị H2 không trả tiền hụi vào ngày 06/6/2017 (Ngày vi phạm nghĩa vụ) tính đến ngày nguyên đơn bà H1 nộp đơn khởi kiện là ngày 26/12/2017, theo quy định tại Điều 429 BLDS thì vụ án trên còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D và ông Nguyễn Công H3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu khởi kiện số tiền nợ hui:* Bà H1 yêu cầu vợ chồng bà H2 - ông H3 thanh toán số tiền nợ hui 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Tại phiên tòa cả bà H1 và bà H2 đều trình bày thống nhất về quan hệ chơi hui, bà H2 chủ hui, bà H1 là hui viên và có một số hui viên khác tham gia, kỳ mở hui, thể thức góp hui và lĩnh hui, việc tham gia hui chỉ thể hiện bằng lời nói, khi hốt hui và đóng hui chết, các bên nhận tiền không có ký nhận mà tin tưởng tự theo dõi sổ sách của mình, hình thức giao dịch về tài sản, thể thức góp hui phù hợp với quy định tại Điều 471 BLDS và Điều 7,8,17,29 Nghị định 144/2006/NĐ

-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Hộ, biên, phường. Bị đơn bà H1 cũng xác định bà là chủ hui, nhưng do bị khó khăn về kinh tế nên chưa thanh toán tiền hui cho bà H1 là hui viên đã góp hui, bà thừa nhận còn nợ tiền hui của bà H1 90.000.000đ, không phản đối về yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà H2 còn nợ tiền hui của bà H1 90.000.000đ là có cơ sở .

[2.2] *Về trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ:* Theo Điều 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Hộ, biên, phường, thì chủ hui phải có trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ với hui viên, nhưng hiện vợ chồng bà H1-D không yêu cầu tính lãi số tiền hui giao chậm nên Tòa ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng bà H1 .

[2.3] *Về nghĩa vụ thanh toán tiền nợ hui:* Chị H1 là chủ hui việc chơi hui có thu nhập chỉ với mục đích lo trang trải cuộc sống cho gia đình và giao dịch hui trên ông H3 cũng biết và có lần ông cũng thu tiền đóng hui của các hui viên, nên Căn cứ Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì nên ông H3 phải chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ hui trên, cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên. Về số tiền góp hui do bà H1 giao dịch với bà H2 là tài sản chung của vợ chồng nên vợ chồng bà H2 có nghĩa vụ thanh toán cho cả vợ chồng bà H1- ông D là phù hợp quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân gia đình.

[2.4] *Về phương thức thanh toán nợ:* Về đề nghị của bị đơn bà H2 xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000đ không được nguyên đơn bà H1 chấp nhận nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà H2 .

[2.5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, vợ chồng bà H2- ông H3 phải

chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(90.000.000đ \times 5\%) = 4.500.000đ$ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[2.6] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357 và Điều 471, 429 và Điều 688 Bộ luật dân sự ; Điều 27, Điều 33 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H1, buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị H2 - ông Nguyễn Công H3 phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ hui cho vợ chồng bà Trịnh Thị H1 - ông Phan Văn D với số tiền là 90.000.000đ(Chín mươi triệu đồng), ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu tính lãi của vợ chồng bà H1- ông D .

2. Bác yêu cầu của bà Huỳnh Thị H2 xin trả dần mỗi tháng 500.000đ(Năm trăm nghìn đồng) do bà H1 không chấp nhận.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà H2 - ông H3 phải chịu 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bà H1 không phải chịu án phí hoàn trả lại cho bà 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008514 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bà Trịnh Thị Hương và bà Huỳnh Thị Hưng có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo lên cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Phan Văn Dũng

và ông Nguyễn Công Hiến vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Oanh